



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2016	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến cuối Quý 4 năm 2016	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016	05 – 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.694.335.538.769	1.955.096.885.688
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	274.989.289.715	313.058.830.965
111	1. Tiền		274.989.289.715	313.058.830.965
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		403.007.456.048	301.930.558.954
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	264.936.988.222	225.311.358.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	83.441.911.133	25.511.540.527
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	56.945.275.688	53.478.435.533
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(2.316.718.995)	(2.370.775.906)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	979.222.979.136	1.226.690.169.146
141	1. Hàng tồn kho		979.222.979.136	1.226.690.169.146
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.115.813.870	113.417.326.623
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		36.661.438.189	113.133.658.425
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	454.375.681	283.668.198
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		547.375.031.607	496.082.163.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	4.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.032.315.546	4.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		368.059.804.511	328.392.602.992
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	141.607.574.100	98.114.709.721
222	- Nguyên giá		275.120.294.572	209.317.949.544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(133.512.720.472)	(111.203.239.823)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	25.157.137.721	28.982.406.761
225	- Nguyên giá		37.817.079.422	37.817.079.422
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.659.941.701)	(8.834.672.661)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	201.295.092.690	201.295.486.510
228	- Nguyên giá		201.864.934.308	201.804.934.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(569.841.618)	(509.447.798)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		51.248.894.750	39.607.264.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	51.248.894.750	39.607.264.078
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	124.034.016.800	124.034.016.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		115.937.211.500	115.937.211.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.565.113.571)	(3.565.113.571)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	15.963.759
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	15.963.759
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.241.710.570.376	2.451.179.048.863

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.475.123.226.160	1.638.818.913.062
310	I. Nợ ngắn hạn		1.469.130.105.209	1.626.265.134.751
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	191.203.480.500	128.966.500.657
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.735.848.750	290.928.548
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	130.431.581.545	123.026.056.785
314	4. Phải trả người lao động	V.14	13.145.698.265	15.016.107.826
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	73.414.870.843	54.537.978.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	15.917.934.782	10.501.629.649
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	1.036.603.585.386	1.293.614.095.100
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	677.105.138	311.837.453
330	II. Nợ dài hạn		5.993.120.951	12.553.778.311
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	5.993.120.951	12.553.778.311
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		766.587.344.216	812.360.135.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	766.587.344.216	812.360.135.801
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	476.400.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	476.400.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	6.746.801.918
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		51.552.084.653	82.306.561.790
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.145.220.457	27.342.989.573
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.210.109.106	219.563.782.520
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		16.272.459.776	17.659.373.371
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		116.937.649.330	201.904.409.149
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.241.710.570.376	2.451.179.048.863

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2016

ĐVT: VND

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	881.634.484.215	1.048.074.186.358	3.648.663.939.171	4.590.555.812.564
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	9.812.428.000	8.523.880.325	29.812.705.000	31.573.759.105
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		871.822.056.215	1.039.550.306.033	3.618.851.234.171	4.558.982.053.459
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	711.243.680.099	886.914.680.110	3.046.045.647.874	4.008.053.087.218
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.578.376.116	152.635.625.923	572.805.586.297	550.928.966.241
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.966.769.903	6.622.416.936	38.609.709.297	30.348.451.392
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	15.987.046.313	19.113.348.962	57.426.969.245	81.192.644.156
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.310.822.200	18.318.428.424	53.006.008.824	74.699.991.632
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	47.100.777.431	68.013.396.341	210.484.337.901	205.841.429.550
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	18.421.872.206	16.126.142.772	63.221.765.187	55.484.472.725
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.035.450.069	56.005.154.784	280.282.223.261	238.758.871.202
31	11. Thu nhập khác	VI.8	576.691.033	4.013.403.180	3.096.622.108	14.910.087.680
32	12. Chi phí khác	VI.9	7.703.790	51.658.166	1.477.902.618	1.239.341.235
40	13. Lợi nhuận khác		568.987.243	3.961.745.014	1.618.719.490	13.670.746.445
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.604.437.312	59.966.899.798	281.900.942.751	252.429.617.647
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		17.107.418.877	11.938.118.304	50.627.307.421	49.479.139.329
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		66.497.018.435	48.028.781.494	231.273.635.330	202.950.478.318

Người lập biểu

TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng

TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		281.900.942.751	252.429.617.647
	2. Điều chỉnh các khoản		49.162.984.350	72.794.046.023
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		26.195.143.509	24.903.191.146
03	- Các khoản dự phòng		(54.056.911)	1.581.876.961
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		712.951.648	(405.858.305)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.697.062.720)	(27.985.155.411)
06	- Chi phí lãi vay		53.006.008.824	74.699.991.632
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		331.063.927.101	325.223.663.670
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(25.396.109.838)	26.702.514.619
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		247.467.190.010	(42.645.100.344)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		86.226.907.989	26.113.126.255
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.963.759	15.963.760
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(53.141.639.400)	(74.424.863.448)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43.674.612.547)	(53.529.972.817)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(19.425.173.230)	(18.685.696.986)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		523.136.453.844	188.769.634.709
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(77.662.455.550)	(42.086.595.747)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		158.479.850	1.646.654.765
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.697.062.720	32.632.095.400
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.806.912.980)	(7.807.845.582)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.486.778.519.322	3.246.599.486.788
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.750.349.686.396)	(3.282.949.602.837)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(8.611.701.769)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(250.789.745.800)	(133.188.279.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(514.360.912.874)	(178.150.097.238)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(38.031.372.010)	2.811.691.889
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		313.058.830.965	310.247.139.076
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(38.169.240)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	274.989.289.715	313.058.830.965

Người lập biểu

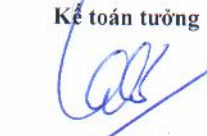
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám Đốc



TRẦN NGỌC HÙNG



TRẦN TẤN SƠN



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 tăng 14% so với lợi nhuận sau thuế năm 2015 nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Nhà máy Phân bón Bình Điền Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Long An Đước, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 557 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 584 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.710 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.710 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.780 VNĐ/USD.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.026.901.403	1.733.883.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	273.962.388.312	311.324.947.776
Cộng	<u>274.989.289.715</u>	<u>313.058.830.965</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	52.854.500.098	61.965.735.225
Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	48.812.000.098	44.920.995.465
Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	-	59.991.760
Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	4.042.500.000	16.984.748.000
Phải thu các khách hàng khác	212.082.488.124	163.345.623.575
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	75.881.900.393	71.131.496.858
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	10.642.565.400	11.395.377.700
Công ty TNHH TM Thịnh Thành Đặc Lắc	13.373.107.778	9.961.230.000
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	16.257.899.650	19.124.117.000
Các khách hàng khác	95.927.014.903	51.733.402.017
Cộng	<u>264.936.988.222</u>	<u>225.311.358.800</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	83.441.911.133	25.511.540.527
Công ty TNHH Young Inh	75.015.463.822	-
Công ty TNHH Tư vấn & Đầu tư Trung Việt	2.305.331.400	-
Công ty Cp Phân Bón Dầu Khí Cà Mau	-	7.050.720.000
Các nhà cung cấp khác	6.121.115.911	18.460.820.527
Cộng	<u>83.441.911.133</u>	<u>25.511.540.527</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	41.576.697.741	-	41.077.210.362	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	12.249.174.522	-	15.235.430.338	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	4.548.747.759	-	5.927.755.533	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	9.023.844.350	-	16.056.521.946	-
Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	12.017.428.565	-	120.000.000	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.368.577.947	-	12.401.225.171	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	6.714.609.962	-	6.539.230.785	-
- Các khoản phải thu khác	8.653.967.985	-	5.861.994.386	-
Cộng	<u>56.945.275.688</u>	-	<u>53.478.435.533</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.370.775.906)	(1.511.123.385)
Trích lập dự phòng bổ sung	(266.366.608)	(2.486.421.225)
Hoàn nhập dự phòng	320.423.519	1.626.768.704
Số cuối kỳ	<u>(2.316.718.995)</u>	<u>(2.370.775.906)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	
Nguyên liệu, vật liệu	778.694.492.822	-	1.062.927.166.984	-	-
Công cụ, dụng cụ	25.807.200	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.148.796.480	-	20.908.062.336	-	-
Thành phẩm	170.032.621.230	-	139.533.678.422	-	-
Hàng hóa	3.321.261.404	-	3.321.261.404	-	-
Cộng	<u>979.222.979.136</u>	<u>-</u>	<u>1.226.690.169.146</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	108.072.512.027	74.117.290.813	24.825.187.160	2.302.959.544	209.317.949.544
Tăng trong năm	53.085.972.667	11.405.720.511	1.361.786.700	107.345.000	65.960.824.878
<i>Tăng do XD/CB hoàn thành</i>	<i>13.582.657.976</i>	<i>4.861.048.130</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.443.706.106</i>
<i>Tăng do mua mới</i>	<i>39.503.314.691</i>	<i>6.544.672.381</i>	<i>1.361.786.700</i>	<i>107.345.000</i>	<i>47.517.118.772</i>
Thanh lý, nhượng bán	-	(158.479.850)	-	-	(158.479.850)
Số cuối năm	<u>161.158.484.694</u>	<u>85.364.531.474</u>	<u>26.186.973.860</u>	<u>2.410.304.544</u>	<u>275.120.294.572</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>565.091.818</i>	<i>11.089.880.802</i>	<i>3.819.000.000</i>	<i>1.227.869.268</i>	<i>16.701.841.888</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	48.731.173.387	45.415.605.623	15.820.196.769	1.236.264.044	111.203.239.823
Khấu hao trong năm	9.368.444.448	11.070.729.160	1.544.273.784	326.033.257	22.309.480.649
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>58.099.617.835</u>	<u>56.486.334.783</u>	<u>17.364.470.553</u>	<u>1.562.297.301</u>	<u>133.512.720.472</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.341.338.640	28.701.685.190	9.004.990.391	1.066.695.500	98.114.709.721
Số cuối năm	<u>103.058.866.859</u>	<u>28.878.196.691</u>	<u>8.822.503.307</u>	<u>848.007.243</u>	<u>141.607.574.100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
Thuê trong năm	-	-	-
Số cuối năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.664.804.294	169.868.367	8.834.672.661
Khấu hao trong năm	3.680.065.400	145.203.640	3.825.269.040
Số cuối năm	12.490.073.334	315.072.007	12.659.941.701
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.135.849.673	846.557.088	28.982.406.761
Số cuối năm	24.310.580.633	701.353.448	25.157.137.721

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất lâu dài</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.311.157.308	493.777.000	201.804.934.308
Mua trong năm	-	60.000.000	-
Số cuối năm	201.311.157.308	553.777.000	201.804.934.308
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	65.000.000	65.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	222.000.000	287.447.798	509.447.798
Khấu hao trong năm	-	60.393.820	60.393.820
Số cuối năm	222.000.000	347.841.618	569.841.618
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	201.089.157.308	206.329.202	201.295.486.510
Số cuối năm	201.089.157.308	205.935.382	201.295.092.690

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	3.323.515.071	-	(3.323.515.071)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	36.283.749.007	33.693.961.063	(18.443.706.106)	(285.109.214)	51.248.894.750
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394	-	-	-	8.439.332.394
- Công trình Kho nguyên liệu - cho dây chuyền SX NPK trên nền tảng Ure hóa lỏng	7.771.909.366	263.966.176	(8.013.402.590)	(22.472.952)	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	6.538.918.427	32.732.428.803	-	-	39.271.347.230
- Công trình Đầu tư Cải tạo dây chuyền tạo hạt thùng quay	4.888.598.785	19.451.482	(4.861.048.130)	(47.002.137)	-
- Công trình mở rộng nhà máy SX NPK tại Long An	3.649.400.909	14.541.023	(3.364.493.750)	-	-
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.402.439.931	185.381.000	-	(6.000.000)	2.581.820.931
- Các công trình khác	2.892.597.377	478.192.579	(2.204.761.636)	(209.634.125)	956.394.195
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	12.422.100.596	-	(12.422.100.596)	-
Cộng	39.607.264.078	46.116.061.659	(21.767.221.177)	(12.707.209.810)	51.248.894.750

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)	11.661.918.871	8.096.805.300	(3.565.113.571)
Cộng	127.599.130.371	124.034.016.800	(3.565.113.571)	127.599.130.371	124.034.016.800	(3.565.113.571)

⁽¹⁾ Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- vốn 100,00% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101383456 lần đầu ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.
- (2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800606078 cấp lần đầu ngày 02/01/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp với số vốn điều lệ 59.019.840.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000350 cấp lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000160 cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.
- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700664419 lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty.
- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.565.113.571)	(3.353.169.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(211.943.576)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(3.565.113.571)</u>	<u>(3.565.113.571)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An		
<i>Công ty con cung cấp dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu cho Công ty mẹ</i>	17.550.000.000	17.050.000.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng		
<i>Công ty Mẹ thu phí thương hiệu</i>	8.203.494.863	9.124.089.333

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	15.652.062.720	16.856.066.880
- Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong		
Công ty Mẹ bán hàng, gia công	34.914.815.000	42.849.372.546
Công ty Mẹ bán tài sản cố định	23.907.533.285	1.213.018.401
Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	4.394.966.360	4.082.738.489
Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	4.590.000.000	4.896.000.000
Công ty Mẹ thu lãi chậm trả	2.382.088.000	2.602.783.000
Công ty Mẹ mua hàng hóa	4.062.960.000	2.190.700.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị		
Công ty Mẹ bán hàng, gia công	1.250.990.000	71.183.293.715
Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	2.625.944.965	5.260.033.871
Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	5.355.000.000	5.355.000.000
Công ty Mẹ thu lãi chậm trả	-	145.454.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình		
Công ty mẹ bán hàng cho công ty con	70.710.230.000	110.769.290.808
Công ty Mẹ bán tài sản cố định cho công ty con	-	109.090.909
Công ty Mẹ thu phí thương hiệu	12.477.403.156	-
Công ty Mẹ ghi nhận cổ tức được chia	5.100.000.000	-
Công ty con gia công cho Công ty Mẹ	-	4.988.568.558
12. Phải trả người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.702.640.000	1.650.000.000
- Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	1.540.000.000	1.650.000.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	162.640.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	189.500.840.500	127.316.500.657
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	42.869.526.618	-
- Công ty Cổ phần Nông Sản Long Hải	21.015.517.500	44.894.193.719
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	41.721.702.200	-
- Công ty Cổ phần Hữu Cơ	27.004.028.884	-
- Công ty Cổ phần Dap-Vinachem	1.194.011.000	21.706.103.140
- Các nhà cung cấp khác	55.696.054.298	60.716.203.798
Cộng	<u>191.203.480.500</u>	<u>128.966.500.657</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	23.082.338	181.116.192	(560.669.534)	51.740.001	454.375.681
- Thuế nhập khẩu	-	-	13.470.424.370	(13.470.424.370)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.819.448.667	-	50.627.307.421	(43.674.612.547)	14.772.143.541	-
- Thuế thu nhập cá nhân	518.987.463	257.585.860	4.048.816.203	(3.390.140.458)	920.077.348	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	-	28.867.203	(28.867.203)	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	10.000.000	(7.000.000)	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Cộng	123.026.056.785	283.668.198	68.367.531.389	(61.132.714.112)	130.431.581.545	454.375.681

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	281.900.942.751	252.384.868.087
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.921.651.166	1.039.234.091
- Các khoản điều chỉnh giảm	(30.697.062.720)	(28.512.925.185)
+ Cổ tức nhận được	(30.697.062.720)	(27.512.925.185)
+ Khác	-	(1.000.000.000)
Thu nhập tính thuế	253.125.531.197	224.911.176.993
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	50.625.106.239	49.480.458.938
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.201.182	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	50.627.307.421	49.480.458.938

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	29.655.705.000	28.331.753.000
- Trích trước chi phí khuyến mãi	29.780.257.000	4.676.308.000
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	6.667.519.000	20.878.984.222
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	2.326.746.364	-
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.984.643.479	650.933.511
Cộng	<u>73.414.870.843</u>	<u>54.537.978.733</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	1.115.156.971	478.677.944
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.609.233.970	2.345.340.120
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.522.792.780	56.552.580
- Quỹ tiếp sức đến trường	944.360.420	636.770.847
- Quỹ người nghèo	1.203.626.292	1.602.488.183
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.522.764.349	5.381.799.975
Cộng	<u>15.917.934.782</u>	<u>10.501.629.649</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.031.527.459.100	1.031.527.459.100	1.288.537.968.814	1.288.537.968.814
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	6.171.804.777	6.171.804.777	48.411.658.767	48.411.658.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	288.210.573.853	288.210.573.853	244.995.997.487	244.995.997.487
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾	54.120.133.015	54.120.133.015	56.129.709.552	56.129.709.552
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	72.480.599.715	72.480.599.715
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁵⁾	44.123.379.330	44.123.379.330	19.406.250.000	19.406.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁶⁾	105.147.277.815	105.147.277.815	78.337.020.382	78.337.020.382
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và	52.703.256.000	52.703.256.000	113.344.678.210	113.344.678.210

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁷⁾				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	320.524.433.186	320.524.433.186	448.501.750.400	448.501.750.400
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁹⁾	18.201.928.308	18.201.928.308	62.690.741.595	62.690.741.595
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽¹⁰⁾	72.617.572.394	72.617.572.394	64.529.460.034	64.529.460.034
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Tp.HCM ⁽¹¹⁾	47.555.197.660	47.555.197.660	44.595.574.400	44.595.574.400
- Vay nhân viên công ty ⁽¹²⁾	22.151.902.762	22.151.902.762	32.367.941.372	32.367.941.372
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	-	-	2.746.586.900	2.746.586.900
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.076.126.286	5.076.126.286	5.076.126.286	5.076.126.286
Cộng	1.036.603.585.386	1.036.603.585.386	1.293.614.095.100	1.293.614.095.100

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay số BIT.DN.420.180516 ngày 07 tháng 06 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng 16.2990135/2016-HĐTDHM/NHCT900-BFC ngày 15 tháng 09 năm 2016. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và Phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/014/TTTD/PL03 ngày 09 tháng 05 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, vay tín chấp.

(5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số HM.0151.15/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 26/2016/576220/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2016. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.

(8) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0225/KH/14NH ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(9) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201600653 ngày 25/08/2016, hạn mức 90.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6%/năm. Vay tín chấp.

(10) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HĐTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(11) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/15-241 ngày 16 tháng 11 năm 2015, hạn mức 10,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

(12) Là khoản vay các nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động.

17.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.993.120.951	5.993.120.951	12.553.778.311	12.553.778.311
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽¹⁾	3.459.375.806	3.459.375.806	7.308.526.914	7.308.526.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽²⁾	2.533.745.145	2.533.745.145	5.245.251.397	5.245.251.397
Cộng	5.993.120.951	5.993.120.951	12.553.778.311	12.553.778.311

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(2) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	5.993.120.951	12.553.778.311
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.993.120.951	12.553.778.311

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	12.553.778.311	-	(6.560.657.360)	5.993.120.951
Cộng	12.553.778.311	-	(6.560.657.360)	5.993.120.951

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	309.660.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	166.740.000.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	476.400.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ đã góp:	571.679.930.000

Vốn điều lệ còn phải góp:	-
----------------------------------	----------

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	476.400.000.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	95.279.930.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(257.255.986.000)	(133.392.000.000)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	47.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/Cp	10.000/Cp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

18f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2015 ngày 27/04/2016 như sau:

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	20.290.440.915
<i>Trong đó:</i>		
Số đã trích trong năm 2015 là	:	1.000.000.000
Số còn phải trích là	:	19.290.440.915
• Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành	:	500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	30.435.661.372
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	:	10.145.220.457
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	257.255.986.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.128.557,20	1.930.851,08
Euro (EUR)	72,80	83,77

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	3.597.642.531.411	4.550.012.400.481
- Doanh thu bao bì và vật tư	96.990.000	3.584.081.023
- Doanh thu hàng quà tặng	1.733.684.122	3.707.390.299
- Doanh thu gia công	10.835.111.221	13.330.910.000
- Phí thương hiệu	29.081.585.978	18.466.861.693
- Doanh thu khác	9.274.036.439	1.454.169.068
Cộng	<u>3.648.663.939.171</u>	<u>4.590.555.812.564</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty chỉ có phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	83.187.633.156	110.769.290.808
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	39.309.781.360	58.264.831.035
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	8.203.494.863	9.124.089.333
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	3.876.934.965	76.443.327.586
Cộng	<u>134.577.844.344</u>	<u>254.601.538.762</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	29.655.705.000	30.697.090.105
- Hàng bán bị trả lại	157.000.000	876.669.000
Cộng	29.812.705.000	31.573.759.105

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	3.046.045.647.874	4.008.033.877.762
- Giá vốn các hoạt động khác	-	-
Cộng	3.046.045.647.874	4.008.033.877.762

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	2.163.994.676	493.147.512
- Cổ tức được chia	30.697.062.720	27.107.066.880
- Lãi bán hàng trả chậm	2.516.712.070	2.802.237.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.231.939.831	-
Cộng	38.609.709.297	30.402.451.392

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	53.006.008.824	74.699.991.632
- Chi phí lãi thuê tài chính	1.419.181.391	2.301.566.071
- Chi phí dự phòng đầu tư	-	211.943.576
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.288.827.382	3.394.351.976
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	712.951.648	142.438.823
Cộng	57.426.969.245	80.750.292.078

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bán hàng	210.484.337.901	205.841.429.550
Cộng	210.484.337.901	205.841.429.550

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.221.765.187	56.044.784.725
Cộng	63.221.765.187	56.044.784.725

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	878.088.531
- Chiết khấu mua hàng được hưởng	2.115.876.250	-
- Thu nhập từ bồi thường hao hụt	81.706.075	2.243.885.102
- Thu nhập từ bán phế liệu	671.462.728	9.296.245.909
- Thu nhập khác	227.577.055	1.723.302.810
Cộng	<u>3.096.622.108</u>	<u>14.141.522.352</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nộp lại tiền thuế môi trường	1.440.000.000	-
- Chi phí khác	37.902.618	470.775.001
Cộng	<u>1.477.902.618</u>	<u>470.775.001</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty có đầu tư vào các Công ty con, nên đây là báo cáo riêng của Công ty mẹ. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thì lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày và tính trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ, mà sẽ được tính và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^(*)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao và thưởng	6.179.588.334	5.190.515.000
Cộng	<u>6.179.588.334</u>	<u>5.190.515.000</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11.

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải không phải là công ty con:

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Công ty mẹ 65,00%)	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	167.216.390.900	86.704.800.000
Cộng	167.216.390.900	86.704.800.000

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4, V.12.

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.961.736.321.447	657.114.912.724	3.618.851.234.171
Giá vốn hàng bán	2.492.941.391.707	553.104.256.167	3.046.045.647.874
Lợi nhuận gộp	468.794.929.740	104.010.656.557	572.805.586.297

Năm trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.791.635.326.899	767.346.726.560	4.558.982.053.459
Giá vốn hàng bán	3.333.420.194.273	674.613.683.489	4.008.033.877.762
Lợi nhuận gộp	458.215.132.626	92.733.043.071	550.948.175.697

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ năm tài chính

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

8. Giải trình biến động lợi nhuận

Chỉ tiêu	Quý 4			Lũy kế		
	Năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ	Năm 2016	Năm 2015	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	66.497.018.435	48.028.781.494	38%	231.273.635.330	202.950.478.318	14%
Tổng cộng	66.497.018.435	48.028.781.494	38%	231.273.635.330	202.950.478.318	14%

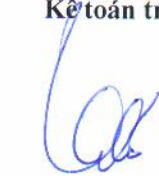
Lợi nhuận sau thuế trong quý 4 và cả năm 2016 tăng so cùng kỳ năm 2015 lần lượt là 38% và 14%, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, đồng thời chi phí nguyên liệu đầu vào giảm từ đầu năm 2016 cũng làm cho lợi nhuận gộp trong quý 4 tăng so với cùng kỳ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	6.746.801.918	51.815.195.884	17.179.200.938	209.034.105.183	761.175.303.923
2. Tăng trong năm trước	-	-	30.491.365.906	10.163.788.635	202.904.409.149	243.559.563.690
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	202.904.409.149	202.904.409.149
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	30.491.365.906	10.163.788.635	-	40.655.154.541
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	192.374.731.812	192.374.731.812
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	192.374.731.812	192.374.731.812
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	476.400.000.000	6.746.801.918	82.306.561.790	27.342.989.573	219.563.782.520	812.360.135.801
5. Tăng trong năm nay	95.279.930.000	-	30.435.661.372	10.145.220.457	231.273.635.330	367.134.447.159
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	231.273.635.330	231.273.635.330
- Tăng vốn	95.279.930.000	-	-	-	-	95.279.930.000
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	30.435.661.372	10.145.220.457	-	40.580.881.829
6. Giảm trong năm nay	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	317.627.308.744	412.907.238.744
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	317.627.308.744	317.627.308.744
- Giảm khác	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	-	-
7. Số dư cuối năm nay	571.679.930.000	-	51.552.084.653	10.145.220.457	133.210.109.106	766.587.344.216

Người lập biểu


TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng


TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

**LÊ QUỐC PHONG**